

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2025

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia và ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực K - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A- Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐHPT ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây Tổ 04, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai (trước đây Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa chị Lê Thị Bích T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã A (nay là xã C), tỉnh Gia Lai tại Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 28/3/2016. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân, do anh L ham chơi không chăm sóc gia đình vợ, con nên thường xuyên cãi vã nhau, tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần vì thế vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay giữa tôi và anh L đã ly thân, không còn tình cảm vợ chồng nên không thể quay về đoàn tụ với anh L được mà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Về con chung tôi và anh L có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/10/2017 tôi là người nuôi con nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con, tôi không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L, mặc dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt nên không trình bày quan điểm của anh L về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân khu vực A - Gia Lai đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về hôn nhân chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L; về con chung, giao cho chị T nuôi con chung đến khi trưởng thành và tự lực được. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, buộc chị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L, hiện cư trú tại: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian sống chung giữa chị T và anh L có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh L đến để hòa giải, xét xử nhưng anh L không đến, vì thế Tòa án không thể hoà giải được. Qua xác minh mẹ của anh L cho biết thì vợ chồng anh L chị T có mâu thuẫn từ khoảng năm 2022 nên anh L đã vào làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh ít khi về nhà, còn chị T về sống tại nhà cha mẹ để ở phường A, Gia Lai và đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị T trình bày vợ chồng mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L. Xét thấy, chị T và anh L có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau do vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L, là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/10/2017, chị T đang nuôi con và yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Qua tham khảo ý kiến cháu Đ thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy,

giao cho chị T tiếp tục nuôi con là cháu Nguyễn Hải Đ cho đến khi trưởng thành và tự lực được là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Bích T trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/10/2017 cho đến khi cháu Đăng thành N hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích T không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006516 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. (nay là Phòng Thi hành án

dân sự khu vực A - Gia Lai). Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2025) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực A-Gia Lai;
- Cơ quan THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã C, tỉnh Gia Lai (Đề ghi vào Sổ hộ tịch; Kết hôn số 05 ngày 28/3/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn